

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 4/9/2019.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Nga; Bà Bùi Thị Quy.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 4 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐHPTST-DS ngày 16/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982;

ĐKHKTT: Thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt

- Bị đơn: Anh Vương Văn Tr, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn G, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

- Người làm chứng:

Bà Lê Thị H, sinh năm 1949; Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vương Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, Hải Dương ngày 15/11/2015. Sau khi kết hôn chị và anh Tr thuê nhà ở thành phố H, đến khi chị sinh con thì vợ chồng chuyển về ở cùng với mẹ đẻ chị ở thôn G, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Anh chị chung chung sống hòa thuận được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân là do anh Tr mãi chơi, không tu chí làm ăn, không có nghề nghiệp ổn định, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu say rồi gây sự chửi bới chị. Tháng 9/2018 anh chị thuê nhà tại thôn G, xã A ra ở riêng, mục đích để cho anh Tr thay đổi và cải thiện mâu thuẫn, nhưng anh Tr vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng nhiều hơn. Tháng 11/2018 chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở, sống ly thân với anh Tr, còn anh Tr về nhà bố đẻ ở thôn U, xã M nhưng thỉnh thoảng chị vẫn thấy anh Tr về nhà trọ ở thôn G, xã A. Đến nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh Tr, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Tr.

Về con chung: Chị và anh Tr có một con chung là Vương Thị Q, sinh ngày 25/5/2016, hiện nay con chung đang ở với chị, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Tr không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Người làm chứng :

Bà Lê Thị H (mẹ đẻ chị T) trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chị T thuê nhà ở thành phố Hải Dương, đến khi chị T sinh con thì hai anh chị về sống cùng với bà. Quá trình chung sống anh Tr, chị T thường xuyên xảy mâu thuẫn, đánh cãi nhau nguyên nhân là do anh Tr mãi chơi, không tu chí làm ăn, không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên chơi bời, uống rượu say, không có trách nhiệm với vợ con. Nhiều lần anh Tr đi chơi, uống rượu đến khuya mới về rồi gây sự chửi bới, bắt chị T phải về nhà bố mẹ đẻ anh Tr sống. Bà và gia đình anh Tr đã nhiều lần khuyên bảo động viên nhưng anh Tr không thay đổi. Tháng 9/2018 chị T và anh Tr thuê nhà ra ở riêng, nhưng chỉ được hai tháng thì chị T lại bé con về ở cùng bà, anh chị sống ly thân từ thời gian đó. Chị T, anh Tr có 01 con chung là Vương Thị Q, sinh ngày 25/5/2016 hiện nay mẹ con chị T đang ở với bà, chị T đang đi làm công nhân tại khu công nghiệp Đ, thu nhập trung bình từ 8 – 10 triệu đồng/ tháng, thời gian chị T đi làm bà là người chăm sóc, trông non cháu Q. Hiện nay bà ở một mình, nhà đất rộng nên đảm bảo điều kiện để mẹ con chị T sinh sống tại đó. Nếu sau này chị T ly hôn anh Tr bà sẽ tặng cho chị T một phần đất để mẹ con chị T sinh sống.

Anh Vương Văn L (em trai của anh Vương Văn Tr) trình bày: Quá trình anh Tr, chị T chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Anh hay đi làm xa nhà nên không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh Tr, không biết lý do vì sao chị T làm đơn xin ly anh Tr. Chị T ít khi về nhà anh mà chủ yếu sống cùng mẹ đẻ chị T. Anh Tr có hộ khẩu thường trú và vẫn cư trú cùng bố mẹ anh ở thôn U, xã M, huyện N, Hải Dương nhưng hay đi làm vắng nhà, anh Tr làm gì, thu nhập như thế nào anh không rõ. Anh Tr đã nhận được thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa án nhưng do anh Tr không muốn ly hôn nên không đến Tòa án làm việc.

Theo tài liệu xác minh tại Công an, UBND xã M, thôn U: Về mâu thuẫn vợ chồng của anh Tr, chị T địa phương không rõ. Anh Tr hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương và thỉnh thoảng vẫn thấy anh Tr về nhà bố đẻ ông Vương Văn N, sau đó lại vắng nhà, anh Tr làm nghề gì, ở đâu, thu nhập như thế nào địa phương không rõ.

Theo lại liệu xác minh tại UBND xã A: Chị T sau khi kết hôn với anh Tr thì chuyển hộ khẩu thường trú về thôn U, xã M, nhưng sau đó 1 thời gian thì thấy vợ chồng chị T về sống cùng bà H, đến khoảng giữa năm 2016 thì thuê nhà ở tại thôn G, xã A nhưng không đăng ký tạm trú tại địa phương. Quá trình anh chị chung sống tại đó hay xảy ra cãi nhau. Hiện nay chị T về nhà bà H sống, còn anh Tr đi đâu, làm gì địa phương không rõ, nhưng thỉnh thoảng vẫn thấy anh Tr đi về nhà trọ ở thôn G.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Tr vì xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Về con chung đề nghị giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Vương Thị Q, chị không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tr vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị T ly hôn

anh Tr; Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục nuôi con chung là Vương Thị Q, sinh ngày 25/5/2016, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Vương Văn Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Tr.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T, anh Vương Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15/11/2015 tại UBND xã M, huyện N, Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị T trình bày: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tr mãi chơi, không tu chí làm ăn, không có nghề nghiệp ổn định, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu say rồi gây sự chửi bới chị, tháng 11/2018 chị và anh Tr sống ly thân. Xét lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với tài liệu xác minh tại UBND xã M, UBND xã A. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Tr đến để trình bày quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của chị T và tham gia phiên hòa giải nhưng anh Tr đều vắng mặt, không thể hiện quan điểm, chứng tỏ anh Tr không mong muốn hòa giải để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Tr. Nên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của chị T, anh Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị T ly hôn anh Tr.

[4] Về quan hệ con chung: Chị T, anh Tr có 01 con chung Vương Thị Q, sinh ngày 25/5/2016. Chị T đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. HĐXX xét thấy: kể từ khi chị T, anh Tr sống ly thân, con chung Vương Thị Q sống cùng chị T. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Tr vắng mặt và không có quan điểm về con chung. Nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T giao con chung là Vương Thị Q cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp

nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Vương Văn Tr.

2. Về con chung: Giao con chung là Vương Thị Q, sinh ngày 25/5/2016 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Vương Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2017/0004529 ngày 24 tháng 4 năm 2019.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- UBND xã Minh Tân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy